

CÔNG TY CP IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP**Đ/c: Tổ 60 - Thị trấn Đông anh - Hà nội****Mã CK: TPH****BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT****(Quý 4 năm 2009)****I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	34.635.697.119	44.588.279.358
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.824.479.918	879.466.190
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	5.133.928.653	5.097.966.040
4	Hàng tồn kho	25.162.775.858	35.698.608.987
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.514.512.690	2.912.238.141
II	Tài sản dài hạn	15.345.040.634	14.411.543.963
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	15.229.325.813	14.387.646.243
	- Tài sản cố định hữu hình	14.984.499.449	14.142.819.879
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí XDCB dở dang	244.826.364	244.826.364
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
5	Tài sản dài hạn khác	115.714.821	23.897.720
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	49.980.737.753	58.999.823.321
IV	Nợ phải trả	26.932.935.808	35.383.175.059
1	Nợ ngắn hạn	26.764.917.604	35.176.316.015
2	Nợ dài hạn	168.018.204	206.859.044
V	Vốn chủ sở hữu	23.047.801.945	23.616.648.262
1	Vốn chủ sở hữu	23.883.900.178	24.013.262.986
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.159.850.000	20.159.850.000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	2.344.591.122	2.441.870.424
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.379.459.056	1.411.542.562
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	(836.098.233)	(396.614.724)
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(836.098.233)	(396.614.724)
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	49.980.737.753	58.999.823.321

II-A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	9.986.752.091	48.900.157.231
2	Các khoản giảm trừ	42.941.115	65.028.258
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	9.943.810.976	48.835.128.973
4	Giá vốn hàng bán	9.205.009.707	43.529.636.174
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	738.801.269	5.305.492.799
6	Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính	411.380.985	436.974.380
7	Chi phí từ hoạt động đầu tư tài chính	161.440.445	693.618.654
8	Chi phí bán hàng	14.530.000	59.230.000
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.142.488.872	3.734.431.892
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(168.277.063)	1.255.186.633
11	Thu nhập khác	926.287.555	961.318.894
12	Chi phí khác	84.356.448	84.356.448
13	Lợi nhuận khác	841.931.107	876.962.446
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	673.654.044	2.132.149.079
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	57.894.727	186.563.044
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	615.759.317	1.945.586.035
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	305,44	965,08
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

Giám đốc

Lê Hồng Quế